TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 177/2023/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 14 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ các Điều 212, 213, 366, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1272/2022/HNST ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1992;
- Ông Đỗ Như Y, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: 40 Đường T5, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Đỗ Như Y thuận tình ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn của ông Đỗ Như Y được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận bà Trần Thị T và ông Đỗ Như Y thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung tên Đỗ Thiên N, sinh ngày 17/9/2020. Khi ly hôn, ông bà thống nhất giao con chung trẻ Đỗ Thiên N, sinh ngày 17/9/2020 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Y cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 03/2023 cho đến khi con chung trưởng thành.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Đỗ Như Y xác nhận không có.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng Bà T và

ông Y phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036866 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Như Y và bà Trần Thị T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị T và ông Đỗ Như Y (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15, cấp ngày 18/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung tên Đỗ Thiên N, sinh ngày 17/9/2020. Khi ly hôn, ông bà thống nhất giao con chung trẻ Đỗ Thiên N, sinh ngày 17/9/2020 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Y cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 03/2023 cho đến khi con chung trưởng thành.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông Y lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoảng 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Đỗ Như Y cùng xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Đỗ Như Y và bà Trần Thị T phải chịu 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036866

ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông Y và Bà T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (để ghi vào sổ ghi chú);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Tiến).

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn